

Số: 5529/SYT-TCCB  
V/v thực hiện công bố đáp ứng yêu  
cầu cơ sở đào tạo thực hành trong  
khối ngành sức khỏe

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2018

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Bệnh viện ngoài công lập.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; các đơn vị khám chữa bệnh phải thực hiện thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Để chuẩn bị triển khai thực hiện thủ tục công bố nói trên đối với các đơn vị thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai. Sở Y tế thông báo các văn bản pháp lý và hướng dẫn các đơn vị như sau:

**1. Các văn bản pháp lý và văn bản hướng dẫn liên quan đào tạo thực hành**

- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Quyết định số 5125/QĐ-BYT ngày 10/11/2017 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 5126/QĐ-BYT ngày 10/11/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 111/2017/NĐ-CP;
- Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26/4/2018 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

**2. Thực hiện thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành (thủ tục công bố)**

Việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 111/2017/NĐ-CP; theo đó:

**a) Tự công bố và thẩm định**

- Cơ sở khám, chữa bệnh tự công bố và chịu trách nhiệm về việc công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo thủ tục quy định.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau đây gửi văn bản thông báo về Sở Y tế:

Theo quy định, các cơ sở khám chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh gửi văn bản thông báo tự công bố về Sở Y tế Đồng Nai, gồm:

- Các bệnh viện công lập thuộc Sở Y tế;
- Các Trung tâm Y tế huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có thực hiện giảng dạy thực hành khám chữa bệnh (do Trung tâm Y tế kiểm tra và hướng dẫn lập hồ sơ);
- Các bệnh viện ngoài công lập trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ sở dự phòng không có giường bệnh có thực hiện giảng dạy thực hành khám chữa bệnh (*Các đơn vị sẽ hợp nhất thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và các đơn vị khác nếu có thực hiện giảng dạy thực hành khám chữa bệnh sẽ lập hồ sơ công bố sau*).

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành (theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ thực hiện tại hành chính công), Sở Y tế tổ chức thẩm định hồ sơ và cập nhật trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế danh sách cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu (bao gồm các chuyên ngành và số lượng tối đa người học thực hành theo từng môn học). Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thì Sở Y tế có văn bản không đồng ý việc tự công bố gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nêu rõ lý do.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự công bố trên trang thông tin điện tử và tại địa điểm thích hợp của cơ sở.

**b) Hồ sơ công bố gồm:**

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ
- Bản công bố (mẫu số 02 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP) kèm theo 03 phụ lục:

Phụ lục 1. Thông tin chung;

Phụ lục 2. Người giảng dạy thực hành;

Phụ lục 3. Danh mục trang thiết bị.

**c) Thời gian thực hiện**

Theo quy định các cơ sở đang đào tạo thực hành phải đáp ứng các yêu cầu

quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP trước ngày 31/3/2019. Sở Y tế đề nghị các đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và hoàn thành chương trình trong thời gian như sau:

- Tháng 12/2018 - 02/2019: Các cơ sở gửi hồ sơ công bố đến Sở Y tế thẩm định và tự công bố sau khi có ý kiến của Sở Y tế.

- Tháng 3/2019: Sở Y tế thẩm định và cập nhật danh sách các cơ sở đáp ứng yêu cầu cơ sở thực hành trên trang Web của Sở Y tế chậm nhất 03 ngày sau khi thẩm định đạt yêu cầu.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 19 Nghị định 111/2017/NĐ-CP, người giảng dạy thực hành chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy – học lâm sàng phải tham gia lớp bồi dưỡng trước ngày 01/01/2020; đồng thời để phục vụ cho công tác đào tạo liên tục, trong thời gian tới ở Y tế sẽ thực hiện khảo sát nhu cầu bồi dưỡng và tìm hiểu cơ sở đào tạo đảm bảo quy định của Bộ Y tế về các nội dung liên quan:

- Khóa sư phạm Y học cơ bản (phục vụ công tác đào tạo liên tục);
- Khóa xây dựng chương trình và tài liệu đào tạo liên tục;
- Khóa phương pháp dạy - học lâm sàng (phục vụ đào tạo thực hành)

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa rõ, các đơn vị trao đổi với Phòng Tổ chức Cán bộ Sở Y tế (02513843558, Email [dongnaisoyte@gmail.com](mailto:dongnaisoyte@gmail.com)) để được hướng dẫn thêm và tham khảo thông tin liên quan trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế và Cục Khoa học-Công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phòng CM Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



**GIÁM ĐỐC**

**Phan Huy Anh Vũ**

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CƠ SỞ THỰC HÀNH**

**KHỎI NGÀNH SỨC KHỎE TRƯỚC NGÀY 31/3/2019**

*(Kèm theo công văn số 5529/SYT-TCCB ngày 30/11/2018 của Sở Y tế Đồng Nai)*



STT	Đơn vị	Cơ sở KCB thực hiện công bố đáp ứng yêu cầu cơ sở thực hành	Ghi chú
<b>CÁC BỆNH VIỆN</b>			
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	x	
2	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	x	
3	Bệnh viện Da liễu	x	
4	Bệnh viện Y Dược Cổ truyền	x	
5	Bệnh viện Phổi Đồng Nai	x	
6	Bệnh viện Nhi Đồng Nai	x	
7	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	x	
8	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	x	
9	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh	x	
<b>CÁC TRUNG TÂM Y TẾ</b>			
1	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	X	
2	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu	X	
3	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc	X	
4	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom	X	
5	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	X	
6	Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa	X	
7	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	X	
8	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	X	
9	Trung tâm Y tế huyện Định Quán	X	
10	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	X	
11	Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh	X	
<b>CÁC TRẠM Y TẾ (Do TTYT hướng dẫn)</b>			
<b>CÁC CHI CỤC, TRUNG TÂM</b>			
1	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản		Sẽ thực hiện khi hợp nhất thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
2	Trung tâm BVSKLD và Môi trường		
3	Trung tâm Răng hàm mặt		
4	Trung tâm Y học dự phòng		
5	Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế		
6	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS		
7	Trung tâm Truyền thông - GDSK		

STT	Đơn vị	Cơ sở KCB thực hiện công bố đáp ứng yêu cầu cơ sở thực hành	Ghi chú
8	Trung tâm Giám định Y khoa		Không thực hiện
9	Trung tâm Pháp y		Không thực hiện
10	Trung tâm Kiểm nghiệm		Không thực hiện
	Chi cục Dân số - KHHGD		Không thực hiện
<b>CÁC BỆNH VIỆN NGOÀI CÔNG LẬP</b>			
1	Bệnh viện ITO		Thực hiện công bố nếu có thực hiện giảng dạy thực hành khám chữa bệnh
2	Bệnh viện Âu Cơ		
3	Bệnh viện Shingmark		
4	Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai		
5	Bệnh viện Việt Anh Đức		
6	Bệnh viện Tâm Hồng Phước		

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

.....<sup>1</sup>.....  
.....<sup>2</sup>.....  
-----  
Số: ...../.....<sup>3</sup>.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....<sup>4</sup>....., ngày.... tháng.... năm....

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành  
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: .....<sup>5</sup>.....

Tên cơ sở công bố: .....

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ....., do .....(tên cơ quan cấp), cấp ngày.....

Địa chỉ: .....<sup>6</sup>.....

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: .....

Điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có): .....

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2).*
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

*Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)*

**Thủ trưởng cơ sở**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> Tên cơ quan chủ quản của cơ sở đề nghị thông báo đáp ứng yêu cầu thực hành

<sup>2</sup> Tên cơ sở đề nghị thông báo đáp ứng yêu cầu thực hành

<sup>3</sup> Chữ viết tắt tên cơ sở đề nghị thông báo đáp ứng yêu cầu thực hành

<sup>4</sup> Địa danh

<sup>5</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thông báo đáp ứng yêu cầu thực hành

<sup>6</sup> Địa chỉ cụ thể của cơ sở đề nghị thông báo đáp ứng yêu cầu thực hành

Phụ lục 1.

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH**  
(Tại 1 thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đặt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>Tổng cộng</b>												

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký và đóng dấu)

- 1: Số thứ tự  
2, 3, 4: Mã đào tạo, trình độ, ngành chuyên ngành theo các quy định tại các thông tư và quy định có liên quan (tra theo khối ngành “sức khỏe”):
- Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ LĐTBXH Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
  - Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ đại học;

- Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- Quy định về đào tạo chuyên khoa, nội trú của Bộ Y tế.
- 5. Môn học/học phần/tín chỉ: dựa vào “*chương trình thực hành*” trong “*chương trình đào tạo*” để có được tên môn học/học phần/tín chỉ.
- 6. Nội dung: Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa khác nhau dựa vào nội dung môn học/học phần/tín chỉ để có được danh sách “*nội dung*” của môn học/học phần và xác định “*nội dung*” nào sẽ học ở “*khoa/đơn vị*” nào?.
- 7. Tên khoa/đơn vị thực hành: là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành môn học/học phần/tín chỉ; Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa/đơn vị khác nhau thì là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành “*nội dung*” môn học/học phần/tín chỉ.
- 8. Số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị: là số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu theo Điều 8 Nghị định ở tại khoa phòng/đơn vị mà môn học, nội dung học được giảng dạy thực hành.
- 9. Số lượng tối đa người học thực hành theo người giảng dạy thực hành: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 8: Tại cùng một thời điểm, một người giảng dạy thực hành chỉ được giảng dạy không quá
  - 05 người học thực hành đối với đào tạo trình độ sau đại học;
  - 10 người học thực hành đối với đào tạo trình độ đại học;
  - 15 người học thực hành đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp.
- 10. Số giảng viên/ghé răng tại khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: là số giảng viên theo kế hoạch của khoa đạt yêu cầu thực hành.
- 11. Số lượng tối đa người học thực hành theo số giảng viên/ghé răng: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm d, khoản Điều 9 Nghị định: Tại cùng một thời điểm, mỗi khoa/đơn vị có không quá 03 người học thực hành trên 01 giường bệnh hoặc 01 ghé răng.
- 12, 13: là số lượng người học thực hành đang học, số lượng người học thực hành có thể nhận thêm; tổng số người có thể nhận thực hành là: 12+13.



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
ĐƠN VỊ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục 2.  
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TÀI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIỜ/NGÀY/CHẾ ĐỘ RẰNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bảng tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại

học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để mình chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giờ/ ngày/ chế độ	Số giờ/ ngày/ chế độ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và đóng dấu)

1: Số thứ tự.

2: Họ và tên: dựa vào “*chương trình thực hành*” để xác định họ và tên người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu mình chứng cho cột số 8 tại Phụ lục 1.

3: Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú: Thông tin về bằng cấp chuyên môn, học hàm, học vị... của người hướng dẫn thực hành: GS, PGS, TS, CKI, CK II, BS Nội trú, Bác sĩ, Dược sĩ, cử nhân điều dưỡng, ...

4: Ngành, chuyên ngành người giảng dạy thực hành đã được đào tạo để minh chứng về chuyên môn của người giảng dạy thực hành.

5: Chứng chỉ hành nghề: số chứng chỉ hành nghề của người giảng dạy thực hành đã được cấp.

6: Phạm vi hành nghề: Phạm vi người giảng dạy thực hành hành nghề được ghi trong chứng chỉ hành nghề.

7: Số năm kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh: Số năm người giảng dạy thực hành có kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh ở phạm vi hành nghề đã được cấp CCHN, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 của Nghị định: Đã có đủ thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi có chứng chỉ hành nghề liên tục ở ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành đến thời điểm giảng dạy thực hành ít nhất:

- 36 tháng đối với đào tạo trình độ sau đại học;

- 24 tháng đối với đào tạo trình độ đại học;

- 12 tháng đối với trình độ cao đẳng và trung cấp.

8: Môn học/học phần/tín chỉ: giống cột 5, ở Phụ lục 1.

9: Nội dung môn học: giống cột 6, ở Phụ lục 1.

10: Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: giống cột 7, ở Phụ lục 1.

11: Số giờ/ờng/ghé răng đạt yêu cầu thực hành: giống cột 10, ở Phụ lục 1.

Phụ lục 3.

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TÀI KHOẢN/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIÁNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bảng tại Phụ lục này được trình bày theo từng khoa/đơn vị nơi tổ chức giảng dạy thực hành cho từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y đa khoa/Nội; Đại học/Y đa khoa/Ngoại; ...)

Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4

- 1: Số thứ tự.
- 2: Tên trang thiết bị: Ghi rõ tên trang thiết bị để minh chứng phù hợp để giảng dạy nội dung, môn học/học phần/tin chỉ thực hành, để minh chứng cho quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định.
- 3: Số lượng: số lượng mà khoa/ đơn vị dành cho giảng dạy nội dung, môn học/học phần/tin chỉ thực hành.
4. Ghi chú: các ghi chú khác để minh chứng cho khả năng thực hiện “*chương trình thực hành*”.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký và đóng dấu)